TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-ST
Ngày: 30-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm

Ông Bùi Đức Hảo

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Thái Hưng - Công chức Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thị V**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1982; HKTT và nơi ở hiện nay: Ấp 4, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Cha: Lê Văn L (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị N; Hiện đang sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn T; Có 04 con: con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Nhân thân: Không có vấn đề gì cần ghi nhận; Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/7/2020 (Có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1973; HKTT và nơi ở hiện nay: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Nguyễn Văn V; Mẹ: Nguyễn Thị Bé N; Hiện đang sống chung như vợ chồng với Lê Thị V; Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2008; Nhân thân: Không có vấn đề gì cần ghi nhận; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/8/2020 đến ngày 21/10/2020 (Có mặt)

- Người bị hại: Ông Đoàn Thanh Tr, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Chí D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Th, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

2. Ông Dương Thanh H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- Người làm chứng: Bà Võ Thị L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị V và Nguyễn Văn T sống chung với nhau như vợ chồng. Vẹn làm nghề cò mua bán lúa, V và T đều không có ruộng đất cũng như chưa nhận bao tiêu lúa. Vào ngày 18/7/2019 (ngày 16/6/2019 âm lịch) V nhận được điện thoại của anh Đoàn Thanh Tr gọi đến hỏi có lúa 5451 không để anh Tr mua. V nói là có và hẹn anh Tr chạy qua xã K để dắt đi coi lúa. Anh Tr kêu anh Nguyễn Văn H chở anh Tr qua xã K. Khi biết anh Tr đi đến khu vực vườn bưởi thuộc ấp C, xã K thì V kêu Nguyễn Văn T chạy xe đến gặp và dắt anh Tr đến khu vực gần trạm gác Bộ đội biên phòng ở ấp G, xã K coi lúa (thực tế cả T và V đều không biết ruộng lúa này của ai, diện tích đất bao nhiêu). Sau đó T dẫn anh Tr đến nhà của chị Võ Thị L ở ấp G, xã K (chị L không có ở nhà mà cho T mượn nhà trước đó khoảng nữa tháng) gặp V để làm Hợp đồng mua lúa và nếp có nội dung: Người bán Huỳnh Thị Diễm Th, người mua Đoàn Thanh Tr, giống lúa 5451, diện tích 300 công, giá 4.800đ/kg, thời gian cắt ngày 04/7/2019 (ngày 04/8/2019 dương lịch), nhận tiền cọc 60.000.000đ. Anh Tr ký và viết tên Đoàn Thanh Tr, V ký chữ Th và viết tên Huỳnh Thị Diễm Th vào bên bán.

Đến ngày cắt giao lúa nhưng Lê Thị V không có lúa giao cho anh Tr, cũng không có tiền trả lại cho anh Tr nên ngày 20/12/2019 anh Tr đã nộp đơn tố giác hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng.

Ngày 20/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Lê Thị V, ngày 11/8/2020 khởi tố bị can Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKSVH ngày 06/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng truy tố Lê Thị V, Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Lê Thị V, Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 174; điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Thị V từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng đến 05 năm.

Áp dụng điểm c khoản 2, Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng.

Bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Văn T thống nhất với Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng, không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 27/11/2020 Tòa án nhận được đơn yêu cầu đề ngày 26/11/2020 của người bị hại Đoàn Thanh Tr với nội dung xin rút đơn tố giác và yêu cầu không xử lý hình sự đối với Lê Thị V và Nguyễn Văn T. Tại phiên tòa, anh Tr xin rút lại đơn yêu cầu nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Lê Thị V và Nguyễn Văn T đồng ý với việc rút đơn của anh Tr, không có ý kiến khác nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu rút đơn của anh Tr.

[3] Về hành vi của các bị cáo

[3.1] Hội đồng xét xử xét lời khai của bị cáo Lê Thị V, mặc dù bị cáo cho rằng không có ý định chiếm đoạt tài sản của ông Tr nhưng bị cáo thừa nhận dùng thủ đoạn gian dối là nhận mình có lúa để nhận tiền cọc từ anh Tr, sau đó không có lúa giao, cũng không có tiền trả. Bị cáo V và bị cáo Nguyễn Văn T thống nhất bản Cáo trạng, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 18/7/2019, tại nhà của chị Võ Thị L ở ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An, Lê Thị V là cò lúa bằng

thủ đoạn gian dối với sự giúp sức của Nguyễn Văn T giả vờ nói với anh Đoàn Thanh Tr là V có 300 công lúa rồi kêu T dẫn anh Tr đi coi lúa và ký hợp đồng mua bán lúa và chiếm đoạt số tiền cọc lúa 60.000.000đ của anh Đoàn Thanh Tr.

[3.2] Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, số tiền các bị cáo chiếm đoạt 60.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được nhà nước bảo vệ. Do vậy, cần phải tuyên cho các bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, trong vụ án có 02 bị cáo nhưng không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn nên cần phân tích làm rõ vai trò của từng bị cáo và xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hình phạt áp dụng cho từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Đối với bị cáo Lê Thị V:

[4.1] Về vai trò của bị cáo: Bị cáo V là người tự nhận có 300 công lúa 5451 và kêu bị cáo T dẫn đi xem ruộng, lấy tên người khác để ký hợp đồng nhằm chiếm đoạt số tiền đặt cọc 60.000.000đ của anh Tr nên trong vụ án này bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục thiệt hại được số tiền 50.000.000đ, lần đầu phạm tội, bị cáo có cha là liệt sĩ, ông nội là liệt sĩ, đang nuôi con nhỏ và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

[5.1] Về vai trò của bị cáo: Khi bị cáo V kêu bị cáo đi chỉ ruộng lúa cho anh Tr và dùng tên khác để xưng hô với anh Tr, dẫn anh Tr đến nhà của chị L do bị cáo mượn trước đó để ký hợp đồng trong khi biết rõ bản thân và bị cáo V không có ruộng đất nên trong vụ án bị cáo với vai trò là người giúp sức.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, đã khắc phục thiệt hại số tiền 10.000.000đ, lần đầu phạm tội và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, đã khắc phục được toàn bộ thiệt hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần tuyên cho các bị cáo hình phạt nhằm giáo dục các bị cáo nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể cải tạo giáo dục bị cáo trở thành

công dân tốt và có tính chất phòng ngừa chung cho xã hội. Nên lời đề nghị phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo của Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thị V và Nguyễn Văn T đã bồi thường cho anh Đoàn Thanh Tr số tiền 60.000.000đ, tại phiên tòa anh Tr không yêu cầu gì thêm nên Tòa án không xem xét.

[8] Trong quá trình điều tra, các bị cáo cho rằng giữa các bị cáo cùng Đặng Chí D và Dương Thanh H có sự bàn bạc, thống nhất về việc giả vờ có 30ha lúa 5451 ở địa bàn xã K, huyện V cần bán, sau đó H cũng là bạn cò lúa với D và V cho anh Tr số điện thoại của V nhưng nói tên là Th để Tr liên lạc với V rồi qua K coi lúa. Khi anh Tr qua K, V kêu T dẫn anh Tr đi đến khu vực cánh đồng lúa không phải của V, làm cho anh Tr tin tưởng nên đồng ý mua lúa và đặt cọc số tiền 60.000.000đ. Sau khi có tiền, V chia cho H 20.000.000đ và D số tiền 10.000.000đ, bản thân V chỉ giữ số tiền 30.000.000đ. Nhưng Dương Thanh H và Đặng Chí D cho rằng việc thỏa thuận, ký hợp đồng mua bán lúa giữa V và anh Tr thì H và D không hề biết và không tham gia, H chỉ thừa nhận có nhận 20.000.000đ của V là do V đặt cọc mua 120 công lúa của H và có viết biên nhận nhưng khi H biết số tiền trên là của anh Tr và khi đến ngày cắt lúa do V không có ghe để nhận lúa nên H đã trả lại cho V số tiền trên. Còn D cho rằng có mượn số tiền của V là 10.000.000đ và đã làm biên nhận nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Đặng Chí D và Dương Thanh H nên Tòa án không xem xét.

[9] Đối với chiếc điện thoại đã được bị cáo Lê Thị V sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Tr nhưng đã bị hư hỏng, cơ quan Cảnh sát Điều tra không thu hồi được nên Tòa án không giải quyết.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 174; điểm b, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo Lê Thị V có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp các bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Thị V, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND, CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Công an huyện Vĩnh Hưng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị The